

Có hẹn với thanh xuân 和青春有個約定

Cũng đã đến lúc ^{哽咽} nghe ngào
也到了哽咽的時候

Nói lời chào đến ^{初戀} mỗi tình đầu
向初戀說聲再見

Một cuốn sách ^{甜蜜} ngọt ngào mà đôi ta từng viết
那本我們曾一起寫過的甜蜜之書

Em như bông ^{向日葵} hoa mặt trời
你就像一朵向日葵

Có ^{笑容} nụ cười đốt cháy lòng người
你的笑容能燃燒人心

Có lẽ em là ^{青春} thanh xuân của tôi
或許你就是我的青春

Từ ^{明天} ngày mai tôi phải đi
從明天起我必須離開

Hẹn ^見 gặp em trong một khi khác
期待在另一個時刻再見你

^{回憶} Kỷ niệm đôi ta đành ghi nhớ trong tim
我們的回憶只能深藏在心底

Này người ơi em ^{別忘記} đừng quên
親愛的啊，別忘記

^{第一次}
Lần đầu tiên ta bước đến
我們初次邂逅的那一刻

^{沉浸}
Mình đã chìm vào vùng trời yêu thương
我們沉浸在愛的天空裡

^{無意間}
Nếu lỡ mai đây vô tình thấy được nhau
若有一天我們意外再相遇

^{對你說}
Hãy để cho tôi nói với em lời chào
請讓我對你說聲「你好」

^{滿滿}
Nếu trái tim ta chung nỗi nhớ đong đầy
如果我們的心仍滿溢著共同的思念

^{日月(日子)}
Hẹn gặp lại em ngày tháng của sau này
那就約好未來的日子裡再見

^見
Hoo-uh-uh-ah...
(哼唱聲)

遠方

Oh oh, tôi giờ đang nơi xa
噢，我如今身在遠方

擔心/煩惱

Bận lòng nhiều điều về em (worry about you)
心裡仍有許多關於你的掛念

平靜

Em bình tâm hơn chưa
你是否已經平靜一些

眼淚

Hay là nước mắt nhòe suốt đêm
還是仍舊淚水模糊整夜

怎麼樣

Một ngày của em dạo này như thế nào?
你最近的一天過得如何？

吵鬧

Thường đi quán quen hay đến nơi ồn ào
是常去熟悉的小店，還是熱鬧的地方

結束

Từ ngày tụi mình kết thúc bây giờ cuộc sống em ra sao?
自從我們結束之後，你的生活過得怎麼樣？

哭

Thôi thì mong em đừng khóc nữa
只希望你別再哭了

日後

Đừng bỏ bữa những ngày sau
日後別再因為傷心而不吃飯

Không còn anh, bao điều vẫn tốt như xưa ^{如初}
即使沒有我，很多事還是一樣美好

^{安穩入睡}
Mong em ngủ ngoan không hoài nghĩ nữa
願你能安穩入睡，不要再胡思亂想

^{沉浸}
Đừng thức trắng đêm trầm tư
別再徹夜不眠、獨自沉思

Vì anh chẳng muốn thấy người mà mình yêu ^{受傷} đau
因為我不想看見我愛的人再受傷

 ^{無意間}
Nếu lỡ mai đây vô tình thấy được nhau
若有一天我們意外再相遇

^{打聲招呼}
Hãy để cho tôi nói với em lời chào
請讓我對你說聲「你好」

^{思念}
Nếu trái tim ta chung nỗi nhớ đông đầy
如果我們的心仍滿溢著共同的思念

^{再見}
 Hẹn gặp lại em ngày tháng của sau này
那就約好未來的日子裡再見